

Số: 06 /TB-KT

Cẩm Giàng, ngày 25 tháng 8 năm 2025

## THÔNG BÁO

### Ban hành Quy trình nội bộ giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường

Thực hiện Quyết định số 223/QĐ- STP ngày 25/7/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy trình nội bộ giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường và các lĩnh vực khác do các Sở trên địa bàn thành phố công bố thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường; Công văn số: 56/CV-UBND, ngày 04/8/2025 của UBND xã về việc rà soát, niêm yết công khai danh mục thủ tục hành chính.

Phòng Kinh tế xã Cẩm Giàng đã niêm yết công khai tại Trung tâm phục vụ hành chính công và trên Công thông tin điện tử xã Cẩm Giàng tại địa chỉ truy cập: camgiang1.haiphong.gov.vn Quy trình nội bộ giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính lĩnh vực tư pháp trên địa bàn thành phố Hải Phòng; tổng số là 55 thủ tục:

| TT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                                                                              |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I  | LĨNH VỰC THỦY LỢI                                                                                                                                                                   |
| 1  | Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Mã số TTHC <b>2.001621</b> )                                                   |
| 2  | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mã số TTHC <b>1.003446</b> ) |
| 3  | Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mã số TTHC <b>1.003440</b> )                                            |
| 4  | Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp (Mã số TTHC <b>1.013768</b> )                                                        |
| 5  | Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã (Mã số TTHC <b>1.003347</b> )                                            |
| 6  | Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp (Mã số TTHC <b>2.001627</b> )                  |
| 7  | Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi                                                                                                                 |

|             |                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|             | thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã (Mã số TTHC <b>1.003471</b> )                                                                                                                                                                                          |
| <b>II</b>   | <b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI</b>                                                                                                                                                                                                        |
| 8           | Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội (Mã số TTHC <b>1.010091</b> )                                                                          |
| 9           | Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội (Mã số TTHC <b>1.010092</b> )                                                |
| <b>III</b>  | <b>LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC</b>                                                                                                                                                                                                                                  |
| 10          | Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất (Mã số TTHC <b>1.001662</b> )                                                                                                                                                                                           |
| <b>IV</b>   | <b>LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</b>                                                                                                                                                                                                          |
| 11          | Hỗ trợ dự án liên kết (Mã số TTHC <b>1.003434</b> )                                                                                                                                                                                                              |
| <b>V</b>    | <b>LĨNH VỰC KIỂM LÂM</b>                                                                                                                                                                                                                                         |
| 12          | Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân (Mã số TTHC <b>1.012694</b> )                                                                                                                                                         |
| 13          | Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng (Mã số TTHC <b>1.012695</b> )                                                                                                                                      |
| <b>VI</b>   | <b>LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP</b>                                                                                                                                                                                                                                       |
| 14          | Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng (Mã số TTHC <b>1.012922</b> )                                                                                                                                                |
| 15          | Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân (Mã số TTHC <b>1.012531</b> )                                                                                                                                                  |
| 16          | Phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã (Mã số TTHC <b>1.011471</b> )                                                                                                  |
| 17          | Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái (Mã số TTHC <b>3.000250</b> ) |
| 18          | Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công (Mã số TTHC <b>1.007919</b> )                                                                                                                |
| 19          | Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân cộng đồng dân cư (Mã số TTHC <b>3.000502</b> )                                                                 |
| <b>VII</b>  | <b>LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT</b>                                                                                                                                                                                                                                       |
| 20          | Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa (Mã số TTHC <b>1.008004</b> )                                                                                                                                                                                     |
| <b>VIII</b> | <b>LĨNH VỰC THỦY SẢN</b>                                                                                                                                                                                                                                         |

|            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 21         | Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) (Mã số TTHC <b>1.003956</b> )                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 22         | Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý) (Mã số TTHC <b>1.004498</b> )                                                                                                                                                                                                                                                |
| 23         | Công bố mở cảng cá loại III (Mã số TTHC <b>1.004478</b> )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>IX</b>  | <b>LĨNH VỰC CHĂN NUÔI</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 24         | Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitor lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) (Mã số TTHC <b>1.012836</b> )                                                                                     |
| 25         | Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitor lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước (Mã số TTHC <b>1.012837</b> ) |
| <b>X</b>   | <b>LĨNH VỰC THÚ Y</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 26         | Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân) (Mã số TTHC <b>1.013997</b> )                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>XI</b>  | <b>LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 27         | Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã) (Mã số TTHC <b>1.003596</b> )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>XII</b> | <b>LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 28         | Hoà giải tranh chấp đất đai (Mã số TTHC <b>1.012812</b> )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 29         | Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 (Mã số TTHC <b>1.012817</b> )                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 30         | Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi (Mã số TTHC <b>1.012818</b> )                                                                                                                                                                           |
| 31         | Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót (Mã số TTHC <b>1.012796</b> )                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 32         | Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất (Mã số TTHC <b>1.012753</b> )                                                                                                                                                                                                  |
| 33         | Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu                                                                                                                                                                                                                                                   |

|      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|      | lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất (Mã số TTHC <b>1.013949</b> )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 34   | Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất (Mã số TTHC <b>1.013950</b> )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 35   | Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư (Mã số TTHC <b>1.013952</b> )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 36   | Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa (Mã số TTHC <b>1.013953</b> )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 37   | Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở (Mã số TTHC <b>1.013962</b> ) |
| 38   | Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài - (Mã số TTHC <b>1.013978</b> )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 39   | Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận (Mã số TTHC <b>1.013979</b> )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 40   | Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích (Mã số TTHC <b>1.01396</b> )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 41   | Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Mã số TTHC <b>1.013967</b> )                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| XIII | <b>LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

|             |                                                                                                                          |
|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 42          | Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (Mã số TTHC <b>1.010736</b> )                                                |
| <b>XIV</b>  | <b>LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC</b>                                                                  |
| 43          | Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích (Mã số TTHC <b>1.004082</b> )                                    |
| <b>XV</b>   | <b>LĨNH VỰC GIẢM NGHÈO</b>                                                                                               |
| 44          | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm (Mã số TTHC <b>1.011606</b> )      |
| 45          | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm - (Mã số TTHC <b>1.011607</b> )                                   |
| 46          | Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm (Mã số TTHC <b>1.011608</b> )                         |
| 47          | Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình (Mã số TTHC <b>1.011609</b> ) |
| 48          | Công nhận người lao động có thu nhập thấp (Mã số TTHC <b>3.000412</b> )                                                  |
| <b>XVI</b>  | <b>LĨNH VỰC TÀI CHÍNH ĐẤT ĐAI</b>                                                                                        |
| 49          | Khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (Mã số TTHC <b>1.012994</b> )                                           |
| 50          | Ghi nợ tiền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp được bố trí tái định cư (Mã số TTHC <b>1.012995</b> )  |
| <b>XVII</b> | <b>LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO</b>                                                                                          |
| 51          | Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (Mã số TTHC <b>3.000439</b> )                              |
| 52          | Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (Mã số TTHC <b>3.000440</b> )             |
| 53          | Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (Mã số TTHC <b>3.000441</b> )                           |
| 54          | Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (Mã số TTHC <b>3.000442</b> )  |
| 55          | Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản (Mã số TTHC <b>3.000443</b> )                         |

**Nơi nhận:**

- Lãnh đạo UBND xã (b/c);
- Các phòng, đơn vị thuộc UBND xã;
- Lưu VP.

**TRƯỞNG PHÒNG****Lưu Văn Quyết**

